

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - L**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: /2026/HNGĐ - ST
Ngày: 09 -6-2026
“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung
sau khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - L**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có;

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Bà Tòng Thị Tuyết

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Khắc
2. Bà Tao Thị Kẻo

Thư ký phiên toà: Ông Giàng A Hà - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1 - L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên toà: bà Hoàng Thị Diệu Linh, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2026 tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1 - L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 87/2026/TLST- HNGĐ ngày 19/01/2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2026/QĐXXST – HNGĐ ngày 19/5/2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Thế Đ, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Xóm Công V, xã Vân D, tỉnh N. Nghề nghiệp: Công an. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)
2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Như Q, sinh năm 1995; Nơi cư trú: tổ 27, phường Tân P, tỉnh L. *Nghề nghiệp:* Cán bộ. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn và các lời khai tại Tòa án nhân dân khu vực 1 - L, anh Nguyễn Thế Đ là nguyên đơn trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Như Q kết hôn ngày 16/7/2024, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đông Phong, thành phố L, tỉnh L (nay là Ủy ban nhân dân phường Tân Phong, tỉnh L), anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn, anh chị hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm

sống, không có tiếng nói chung. Đến tháng 7 năm 2025 hai anh chị phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, anh chị sống ly thân từ khi kết hôn đến nay. Anh Nguyễn Thế Đ nhận thấy không có tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Như Q.

Về con chung: Anh Nguyễn Thế Đ và chị Nguyễn Thị Như Q có 01 con chung tên là Nguyễn Thế H, sinh ngày 17/01/2024. Sau khi ly hôn anh có nguyện vọng được giao con chung cho chị Nguyễn Thị Như Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh Nguyễn Thế Đ tự nguyện cấp dưỡng cho con mỗi tháng là 4.000.0000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản: Anh Nguyễn Thế Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Nguyễn Thị Như Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thế Đ kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đông Phong, thành phố L, tỉnh L (nay là Ủy ban nhân dân phường Tân Phong, tỉnh L). Sau khi kết hôn anh chị vẫn hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì trầm trọng anh Nguyễn Thế Đ công tác ở Nghệ An, nay anh Đ đề nghị ly hôn chị Q không nhất trí vì vẫn còn tình cảm với anh Đ và mong muốn con có cả bố mẹ chăm sóc.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Thế Đ có 01 con chung tên là Nguyễn Thế H, sinh ngày 17/01/2024. Do chị không nhất trí ly hôn, nên không đặt vấn đề về việc giao con cho ai trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau khi ly hôn và cũng không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị Q không có yêu cầu phản tố.

Tại biên bản xác minh tại nơi cư trú của chị Nguyễn Thị Như Q: Từ khi đăng ký kết hôn anh Đ và chị Q không sống chung với nhau, anh Đ chuyển công tác về Nghệ An trước khi hai anh chị đăng ký kết hôn. Sau khi đăng ký kết hôn hai bên gia đình vẫn liên lạc bình thường, không có mâu thuẫn gì.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Thế Đ có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn và đề nghị Tòa án giao con chung cho chị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cho đến khi đủ 18 tuổi, và đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Như Q có đơn xin không tham gia phiên tòa: Về quan hệ hôn nhân chị Q vẫn không nhất trí ly hôn vì vẫn còn tình cảm với anh Đ và vẫn mong muốn con chung đầy đủ bố mẹ. Trường hợp không thể đoàn tụ được thì có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị Nguyễn Thị Như Q không nêu ý kiến cụ thể.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - L có ý kiến về thủ tục tố tụng như sau: Quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về nhiệm vụ quyền hạn của thẩm phán được phân công. Tiến

hành thụ lý vụ án đúng trình tự, thủ tục và gửi thông báo thụ lý vụ án đúng thời hạn quy định; Xác định đúng tư cách tố tụng của đương sự; Thu thập chứng cứ khách quan, công khai; Ra quyết định xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn luật định; Việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng đảm bảo. Hội đồng xét xử đã xét xử vụ án đúng nguyên tắc, thành phần.

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39. Các Điều 147, 254, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a Khoản 3 Điều 4, Điều 6, Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao ngày 16/5/2024 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thế Đ về ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Thế Đ và chị Nguyễn Thị Như Q;

- Về con chung: anh Đ và chị Q cùng có nghĩa vụ quan tâm, chăm lo cho cháu Nguyễn Thế H. Giao cháu Nguyễn Thế H cho mẹ là chị Nguyễn Thị Như Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung là 4.000.000 đồng/1 tháng cho đến khi thành niên đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

- Về án phí: Anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận và giải thích quyền kháng cáo của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:
Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn và nuôi con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại phường Tân Phong, tỉnh L, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - L.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ngày 16/7/2024, anh Nguyễn Thế Đ và chị Nguyễn Thị Như Q có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đông P, thành phố L, tỉnh L (nay là Ủy ban nhân dân phường Tân P, tỉnh L) trên cơ sở hai bên tự nguyện. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa hai anh chị là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Sau khi đăng ký kết hôn, anh chị hạnh phúc được một thời gian, sau đó hai bên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, đến tháng 7 năm 2025 hai bên nảy sinh mâu thuẫn trầm trọng. Sau khi kết hôn hai vợ chồng không sống chung với nhau, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau vun vén hạnh phúc gia đình; không chia sẻ, thực hiện các công việc chung trong gia đình... Vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Nguyễn Thế Đ đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Nguyễn Thị Như Q là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Việc nuôi con: anh Nguyễn Thế Đ và chị Nguyễn Thị Như Q có Nguyễn Thế H, sinh ngày 17/01/2024. Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Thế Đ có nguyện vọng giao con chung cho chị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Hiện nay cháu Nguyễn Thế H còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi, chị Nguyễn Thị Như Q là công chức có thu nhập ổn định nên có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, đảm bảo quyền được yêu thương, tôn trọng, chăm lo việc học tập, giáo dục để con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức trở thành những người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội. Căn cứ các quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình có căn cứ để giao cháu Nguyễn Thế H cho chị Nguyễn Thị Như Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: việc anh Nguyễn Thế Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, là phù hợp với thu nhập, khả năng thực tế của anh Nguyễn Thế Đ và đảm bảo quyền lợi chính đáng của cháu Nguyễn Thế H. Căn cứ các quy định tại các Điều 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để chấp nhận.

Anh Nguyễn Thế Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật không ai được cản trở anh Đ thực hiện quyền này.

[3]. Về chia tài sản: anh Nguyễn Thế Đ và chị Nguyễn Thị Như Q không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[4]. Về án phí: Anh Nguyễn Thế Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - L tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39. Các Điều 147, 254, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a Khoản 3 Điều 4, Điều 6, Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP của HĐTP Toà án nhân dân tối cao ngày 16/5/2024 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

1. Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Thế Đ được ly hôn với chị Nguyễn Thị Như Q.

2. Việc nuôi con:

Giao cháu Nguyễn Thế H, sinh ngày 17/01/2024 cho chị Nguyễn Thị Như Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Nguyễn Thế H đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Thế Đ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Thế H, sinh ngày 17/1/2024 với mức cấp dưỡng là 4.000.000 đồng/tháng đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, chị Q có đơn yêu cầu thi hành án, anh Đ chưa thi hành được (không đóng tiền cấp dưỡng nuôi con như trên hoặc không đóng đầy đủ) thì bên phải thi hành án còn phải chịu thêm phần lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015

Anh Nguyễn Thế Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật không ai được cản trở anh Đ thực hiện quyền này.

3. Việc chia tài sản: anh Nguyễn Thế Đ và chị Nguyễn Thị Như Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn là anh Nguyễn Thế Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) và phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*). Tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0000027 ngày 19/01/2026 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 - L anh Nguyễn Thế Đ đã nộp số tiền là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng chẵn*) nên được trừ vào số tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh Nguyễn Thế Đ còn phải nộp tiếp số tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*).

Nguyên đơn là anh Nguyễn Thế Đ và bị đơn là chị Nguyễn Thị Như Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật lên Tòa án nhân dân cấp trên.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- VKSND khu vực 1 - L;
- Phòng THADS khu vực 1 - L;
- UBND phường Tân Phong, tỉnh L;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tòng Thị Tuyết

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

